

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HSST

Ngày: 01/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tr.

2. Ông Nguyễn Văn B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn C – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ T1 – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh LA mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Quang Q, sinh ngày 14/01/1982 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số B, đường Đ, Phường H, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Văn Đ, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, không rõ năm sinh (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 11/6/2014 bị Công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã K từ ngày 21/01/2025 đến nay.

Bị hại: bà Võ Thị Trúc L1, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện M, tỉnh LA.

Bị cáo Q có mặt.

Bà L1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 20/01/2025 Q đi xe tốc hành từ thành phố Hồ Chí Minh đến thị xã K, tỉnh LA để đến nhà ông Phạm Đăng T chơi.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Q đến thị xã K và đi bộ đến nhà ông T nhưng ông T không có ở nhà, cửa không khóa nên Q vào bên trong nhà đợi nhưng vẫn không thấy ai nên Q ra về.

Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi bộ ra hướng Quốc lộ F để đón xe về thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đón được xe. Q tiếp tục đi bộ một đoạn đường thì phát hiện dãy nhà trọ Tám H do bà Huỳnh Thị M làm chủ, có một xe mô tô biển số 62N1-5878 của Võ Thị Trúc L1 đang đậu trước dãy nhà trọ, không người trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa xe nên Q băng qua đường lén lút lấy trộm. Q đẩy xe ra một đoạn rồi lên xe nổ máy điều khiển đi về hướng thành phố Hồ Chí Minh, chạy khoảng gần 30km Q rẽ phải hướng huyện C, tỉnh Tiền Giang chạy được một đoạn khoảng 20km thì bị lực lượng tuần tra Công an xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang phát hiện bắt giữ và lập biên bản vụ việc vào lúc 17 giờ 15 phút ngày 20/01/2025.

Tại Kết luận định giá tài sản: 03/KL-HĐ-ĐGTS ngày 21/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã K kết luận: Tài sản 01 xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu HONDA, số loại Wave S, màu xám-bạc-đen, số khung: 319AY-0057.72, số máy: C43E-1206271, xe hiện đang lưu hành, có giá trị là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu Honda Wave S, màu xám-bạc-đen, số khung: 319AY-0057.72, số máy: C43E-1206271; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen (tình trạng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ); 01 USB trích xuất camera.

Đối với xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu Honda Wave S, màu xám-bạc-đen, số khung: 319AY-0057.72, số máy: C43E-1206271, Công an thị xã K điều tra, xác định nguồn gốc xe do Võ Thị Trúc L1 mua lại của Nguyễn Thị D vào tháng 03/2023 nhưng chưa sang tên. Hiện tại D đã bỏ địa phương, đi đâu không rõ, qua xác minh và làm việc với ông Nguyễn Công B (cha ruột của D) xác định D có sử dụng mô tô

biển số 62N1-5878 nhưng D đã bán xe cho người khác không rõ cho ai, ngoài ra bị hại Trúc L1 cam kết sử dụng xe hợp pháp nếu có tranh chấp thì L1 hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó, Công an thị xã K đã trả lại cho bị hại T 01 (một) xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu Honda Wave S, màu xám-bạc-đen, số khung: 319AY-0057.72, số máy: C43E-1206271 (biên bản trả lại tài sản ngày 23/01/2025).

Tang vật hiện còn tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen (tình trạng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ); 01 USB trích xuất camera.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà L1 đã nhận lại 01 (một) xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu Honda Wave S, màu xám-bạc-đen xong, không yêu cầu gì khác.

Tại cáo trạng số 11/CT-VKSKT ngày 18/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh LA đã truy tố bị cáo Trần Quang Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

Về tội danh: đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Quang Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quang Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21/01/2025.

Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng bị cáo Q nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho bị cáo Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen (tình trạng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ); lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB trích xuất camera.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Buộc bị cáo Q chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Q thừa nhận hành vi của bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Q đồng ý công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bà L1 vắng mặt không có lý do. Xét thấy, bà L1 đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của bà L1 không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Quang Q trước phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp lời khai của bị hại và phù hợp với nội dung bản cáo trạng nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/01/2025, tại nhà trọ T1, địa chỉ: Số E, Quốc lộ F, Khu phố E, Phường B, thị xã K, tỉnh LA, do cần phương tiện xe mô tô để di chuyển nên Trần Quang Q đã lén lút lấy trộm của Võ Thị Trúc L1 01 (một) xe mô tô biển số 62N1-5878, hiệu Honda Wave S, màu xám-bạc-đen, có giá trị là 4.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện sự coi thường pháp luật mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo Q có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Q để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: ngày 11/6/2014 bị Công an quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác” tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội đã hơn 10 năm, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Q không có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8]. Trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu và không có nơi cư trú ổn định nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm mục đích trừng trị, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Q nghề nghiệp không ổn định, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung.

[10]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

[10.1]. Việc cơ quan điều tra trả lại xe cho bà L1 là phù hợp.

[10.2]. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen (tình trạng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ) là tài sản của bị cáo Q, không phải sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo Q.

[10.3]. Lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB trích xuất camera.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Bà L1 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên không xem xét.

[12]. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13]. Đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K về việc xử lý vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, tuyên bố: Bị cáo Trần Quang Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử

phạt bị cáo Trần Quang Q 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam là ngày 21/01/2025.

3. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Q 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án 01/4/2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Q.

5. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Q 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15 màu đen (tình trạng đã qua sử dụng, mặt kính bị vỡ).

Theo quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKSKT ngày 18/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K.

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Quang Q phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà L1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LA;
- VKSND tỉnh LA;
- VKSND thị xã K;
- CQCSĐT Công an tỉnh LA;
- Phân trại tạm giam khu vực thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh L